

PHỤ LỤC SỐ 04
BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

(Ban hành kèm theo Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán)

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
Công ty cổ phần Bột mì Vinafood 1
Năm 2022

I. Thông tin chung

1.1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: Công ty cổ phần Bột mì Vinafood 1
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0107151097
- Vốn điều lệ: 242.000.000.000 đồng.
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 242.000.000.000 đồng
- Địa chỉ: số 94 Lương yên, P Bạch Đằng, Q. Hai Bà Trưng, TP Hà Nội
- Số điện thoại: (84 - 24) 6278 2448
- Số fax: (84 - 24) 6278 2457
- Website: www.vnf1flour.com.vn
- Mã cổ phiếu: BMV

Quá trình hình thành và phát triển

Để đáp ứng nhu cầu phát triển sản xuất kinh doanh, ngày 08/04/2003, Tổng công ty Lương thực miền Bắc đã có Quyết định số 67/QĐ-HĐQT-TCLĐ về việc thành lập Nhà máy Bột mì Hưng Quang trực thuộc Công ty Lương thực Thanh Nghệ Tĩnh.

Ngày 12/10/2004, Tổng công ty Lương thực miền Bắc có Quyết định số 319/QĐ-HĐQT-TCLĐ về việc tách Nhà máy Bột mì Hưng Quang khỏi Công ty Lương thực Thanh Nghệ Tĩnh và chính thức trở thành chi nhánh của Tổng công ty.

Năm 2008, sau khi hoàn thành thương vụ mua bán Nhà máy Bột mì Bảo Phước tại Phường Đông Hải 2, Thành phố Hải Phòng, Tổng công ty Lương thực miền Bắc đã có Quyết định số 157/QĐ-TCTLTMB-HĐQT ngày 03/09/2008 về việc thành lập Công ty Bột mì Vinafood 1 – Chi nhánh của Tổng công ty Lương thực miền Bắc trên cơ sở tổ chức lại Chi nhánh – Công ty Sản xuất kinh doanh Bột mì Hưng Quang và Nhà máy Bột mì Bảo Phước.

Năm 2015, Bộ NN&PTNT đã có Quyết định số 4204/QĐ-BNN-QLDN ngày 23/10/2015 chuyển Công ty Bột mì Vinafood 1 - Chi nhánh thuộc Tổng công ty Lương thực miền Bắc thành Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên.

Thực hiện chủ trương lớn của Nhà nước về việc cổ phần hoá doanh nghiệp nhà nước và chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Quyết định số 1360/QĐ-TTg ngày 17/08/2015 về việc điều chỉnh, bổ sung Đề án tái cơ cấu Tổng công ty Lương thực miền Bắc và công văn số 242/BNN-QLDN ngày 12/01/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Bột mì Vinafood 1 thuộc Tổng công ty Lương thực miền Bắc, Công ty đã thực hiện các thủ tục liên quan đến tiến trình cổ phần hóa. Trong đó, công ty đã tổ chức đấu giá cổ phần ra công chúng tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội vào ngày 28/10/2016 với số lượng cổ phần chào bán là 8.229.800



triệu cổ phần, giá khởi điểm là 10.000 đồng/cổ phần. Kết quả, có 9 nhà đầu tư (1 tổ chức, 8 cá nhân) đăng ký tham gia đấu giá với khối lượng mua là 331.000 cổ phần tại mức giá 10.000 đồng/cổ phần.

Từ ngày 04/01/2017, Công ty chính thức hoạt động dưới mô hình công ty cổ phần với tên gọi Công ty cổ phần Bột mì Vinafood 1 theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0107151097 ngày 04/01/2017 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP Hà Nội cấp.

Công ty Cổ phần Bột mì Vinafood 1 hiện đặt trụ sở tại số 94 Lương Yên, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội và có 02 nhà máy sản xuất là Nhà máy Bột mì Hưng Quang (tại Thành phố Vinh, Nghệ An) và Nhà máy Bột mì Bảo Phước (tại Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, TP Hải Phòng).

Nhà máy Bột mì Hưng Quang được thành lập tháng 04/2003, với dây chuyền, máy móc và công nghệ sản xuất hiện đại của hãng Buhler, Thụy Sĩ, có công suất đạt 140 tấn/ngày. Hàng năm, nhà máy sản xuất trên 30.000 tấn bột mì các loại, chỉ tiêu chất lượng theo tiêu chuẩn Châu Âu. Dưới sự quản lý, điều hành bởi đội ngũ kỹ sư, quản lý kinh tế chuyên ngành, trong những năm qua, các sản phẩm của nhà máy luôn được sự tin dùng của khách hàng. Năm 2019 Nhà máy ngừng sản xuất còn cho thuê mặt bằng, văn phòng, kho bãi, gửi xe, cân dịch vụ ... Ngày 29 tháng 9 năm 2021 thành lập Chi nhánh Bột mì Hưng Quang – Công ty Cổ phần Bột mì Vinafood 1, mã số chi nhánh: 0107151097-001 tiếp tục cho thuê mặt bằng, văn phòng, kho bãi, gửi xe, cân dịch vụ ...

Nhà máy Bột mì Bảo Phước được trang bị dây chuyền và công nghệ sản xuất tiên tiến của hãng Buhler, Thụy Sĩ và HBA, Trung Quốc. Công suất nhà máy ban đầu đạt 140 tấn/ngày. Sau khi được đầu tư thêm dây chuyền công suất 160 tấn/ngày vào năm 2013, Nhà máy có tổng công suất 300 tấn/ngày. Nhà máy được đặt tại Quận Hải An, TP Hải Phòng, thuận tiện cho việc tiếp nhận hàng hoá, nguyên liệu cũng như vận chuyển xuất bán thành phẩm qua các phương tiện đường thủy và đường bộ.

- Các sự kiện khác

1.2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

- Ngành nghề kinh doanh: Sản xuất chế biến lương thực, thực phẩm, bột mì và các loại sản phẩm từ bột mì;

- Mua bán bột mì và các sản phẩm từ bột mì, mua bán lương thực, thực phẩm;

- Mua bán hàng nông sản, thức ăn và nguyên liệu làm thức ăn cho gia súc;

- Dịch vụ thuê kho bãi văn phòng;

- **Địa bàn kinh doanh:** Địa bàn hoạt động của công ty trải dài từ các tỉnh phía bắc cho đến địa bàn tỉnh Hà Tĩnh.

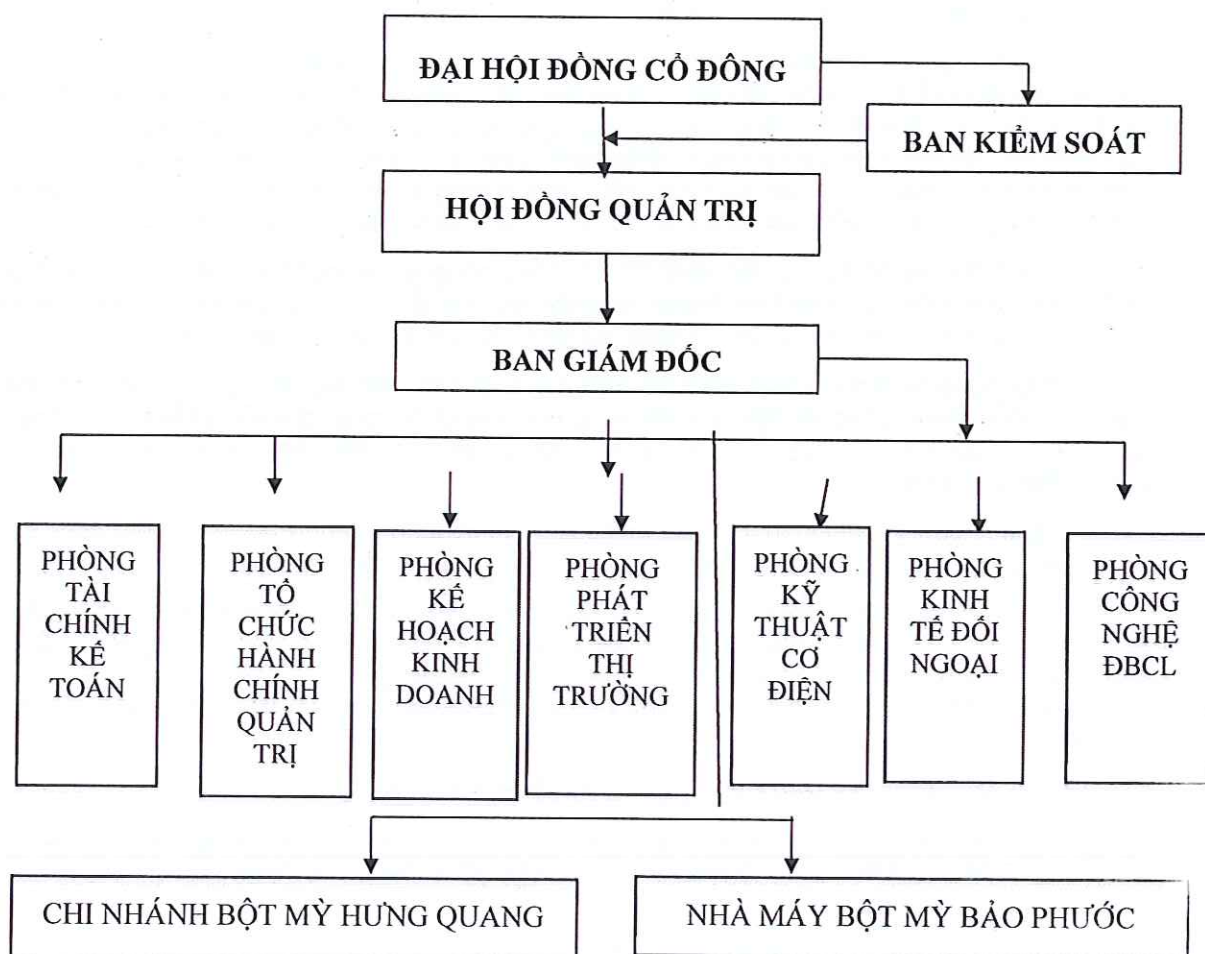
1.3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

- Mô hình quản trị, cơ cấu bộ máy quản lý.

- Các công ty con, công ty liên kết.

Công ty Cổ phần Bột mì Vinafood 1 hoạt động theo mô hình tổ chức Công ty cổ phần. Mô hình quản trị này được xây dựng dựa trên mục tiêu phát triển chiến lược kinh doanh của Công ty, tuân thủ theo các quy định của pháp luật Việt Nam và các quy định tại Điều lệ Công ty. Mô hình tổ chức của công ty như sau:

SƠ ĐỒ CƠ CẤU TỔ CHỨC
CÔNG TY CỔ PHẦN BỘT MỖ VINAFOOD 1



1.4. Định hướng phát triển

- Các mục tiêu chủ yếu của Công ty

- ✓ Ổn định và tăng trưởng sản xuất hàng năm;
- ✓ Đảm bảo đủ việc làm, từng bước cải thiện các điều kiện làm việc và nâng cao thu nhập cho người lao động;
- ✓ Thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đối với nhà nước;
- ✓ Doanh thu tăng 10%/năm;
- ✓ Sản xuất kinh doanh có lãi.

- Chiến lược phát triển trung và dài hạn

1.4.1. Giải pháp về sản phẩm và thị trường:

Trong giai đoạn sắp tới, Công ty tập trung triển khai các nhóm biện pháp và hoạt động cụ thể như sau:

- Xây dựng chiến lược phát triển thị trường phù hợp với năng lực của Công ty trên lĩnh vực hoạt động cụ thể, trong đó tập trung vào lĩnh vực chính là: sản xuất, chế biến lương thực, thực phẩm, bột mỳ và các loại sản phẩm từ bột mỳ.

- Hoàn thiện cơ sở về vật chất, khép kín chuỗi sản xuất từ các silo chứa nguyên liệu, nhà máy sản xuất và kho bảo quản để phòng tránh mối mọt, nâng cao chất lượng sản phẩm và khả năng cạnh tranh của Công ty, phấn đấu giảm thời gian lưu kho từ bình quân 60 ngày sản xuất xuống 50 ngày.

3715
ÔNG
CỔ P
BỘT
INAF
VH PH

Tổ chức lại công tác quản lý tại Chi nhánh Bột mỳ Hưng Quang tại thành phố Vinh (Nghệ An) và Nhà máy sản xuất tại Hải Phòng theo hướng độc lập, tự chủ trên cơ sở giao kế hoạch sản xuất, khoán chi phí nhằm đảm bảo phát huy tính chủ động, sáng tạo của người lao động nhằm mục tiêu thi đua, tiết kiệm chi phí, nâng cao hiệu quả sản xuất;

- Tập trung tiết giảm chi phí trên mọi lĩnh vực hoạt động sản xuất kinh doanh, thực hiện nghiêm túc các quy định về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, giảm tối đa các chi phí quản lý; Tập trung cải cách các thủ tục hành chính, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh, đảm bảo thông tin điều hành được xử lý kịp thời, nhanh chóng, hiệu quả. Quán triệt vai trò trách nhiệm của cán bộ, nhân viên, tăng cường quản lý giờ lao động, bố trí nhân lực phù hợp, đúng người, đúng việc tạo điều kiện để lao động phát huy tối đa khả năng.

- Tranh thủ sự hỗ trợ của Bộ NN& PTNT, Tổng công ty Lương thực miền Bắc trong thực hiện chiến lược phát triển sản xuất kinh doanh và nhiệm vụ kinh tế - chính trị của công ty. Nắm bắt kịp thời những thông tin về chiến lược, định hướng, để giành lợi thế trong việc cạnh tranh.

- Xây dựng hệ thống chính sách khuyến mại hấp dẫn, đào tạo đội ngũ cán bộ kinh doanh có năng lực, đẩy mạnh công tác tiêu thụ, đa dạng hoá sản phẩm giúp cho sản phẩm của Công ty đến gần hơn với người tiêu dùng nhằm đón đầu xu hướng ngày càng tăng nhu cầu sử dụng các sản phẩm bột mỳ trong nhân dân.

- Nghiên cứu và đánh giá tính khả thi của các phương án đầu tư mở rộng hoạt động sản xuất để đa dạng hóa sản phẩm như bột mỳ để sản xuất bánh tươi, bánh kẹo cao cấp....

- Thúc đẩy hoạt động bán lẻ tới các hộ tiêu dùng. Phát triển mới thị trường các tỉnh miền Trung từ Hà Tĩnh đến Thừa Thiên Huế, tìm kiếm đối tác kinh doanh và mở rộng thị trường cung cấp bột mỳ và các sản phẩm từ bột mỳ không chỉ giới hạn phạm vi trong nước. Nghiên cứu khả năng phát triển thêm ngành nghề kinh doanh có liên quan đến bột mỳ trong thời gian tới nhằm tạo ra chuỗi giá trị khép kín.

1.4.2. Giải pháp về ứng dụng tiến bộ kỹ thuật và công nghệ:

- Tiếp tục kiện toàn bộ máy quản lý khoa học công nghệ, xây dựng đội ngũ cán bộ chuyên trách có năng lực để phụ trách việc nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ vào quản lý và sản xuất của Công ty;

- Xây dựng hệ thống kiểm tra chất lượng sản phẩm;

- Nghiên cứu, tiếp cận, chuyển giao và sử dụng thành thực các loại công nghệ tiên tiến trong các hoạt động sản xuất kinh doanh.

- Chuyển đổi phương thức trộn bột nhằm nâng cao tỷ lệ thu hồi.

1.4.3. Giải pháp về tài chính, vốn

- Tiếp tục đánh giá lại tình hình tài chính, vật tư thiết bị phục vụ sản xuất kinh doanh của Công ty. Trên cơ sở đó có kế hoạch sử dụng hiệu quả, tránh lãng phí. Những tài sản không cần dùng sẽ thanh lý, chuyển nhượng để thu hồi vốn hoặc đầu tư cho hoạt động khác có hiệu quả hơn.

- Nâng cao hiệu quả công tác tài chính để đáp ứng yêu cầu cho các hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư thiết bị; cơ cấu lại nguồn vốn trung, dài hạn hợp lý. Tìm kiếm, vận động các nguồn vốn vay tín dụng nhằm phát huy hiệu quả của đòn bẩy tài chính kết hợp các nguồn tiền từ khấu hao, quay vòng vốn do thu hồi nhanh công nợ, giảm tồn kho trong thời gian tới để giảm chi phí vay ngân hàng

- Tổ chức lại công tác kế toán theo hướng gọn nhẹ, hợp lý và có hiệu quả; Theo dõi và quản lý chặt chẽ các khoản chi phí; Lập báo cáo đầy đủ và đúng hạn; Quản lý sát sao các khoản công nợ phải thu của khách hàng, phấn đấu giảm thời gian thu hồi công nợ từ bình quân 40 ngày xuống 30 ngày; Sử dụng hiệu quả các công cụ tài chính nhằm tăng sức mạnh tài chính; Tiết kiệm các khoản chi phí tài chính... góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động của đơn vị

1.4.4. Giải pháp về quản trị doanh nghiệp

- Trên cơ sở Điều lệ được thông qua, Công ty sẽ hoàn thiện các Quy chế, Quy trình nghiệp vụ phù hợp với các quy định của Nhà nước và pháp luật theo hướng khuyến khích, tạo điều kiện chủ

động, phát huy tính sáng tạo của các bộ phận quản lý và đơn vị trực thuộc. Trong đó, Công ty sẽ ưu tiên xây dựng quy chế trả lương và quy chế quản lý tài chính nội bộ. Hoàn thiện tổ chức và nâng cao hiệu quả bộ máy của Công ty; Tiếp tục bổ sung, sửa đổi Điều lệ tổ chức và hoạt động, hệ thống quy chế quản lý cho phù hợp với mô hình tổ chức công ty cổ phần có vốn Nhà nước chi phối, phù hợp với chủ trương chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước và phù hợp với cơ chế thị trường.

- Tăng cường áp dụng những chuẩn mực quản trị kinh doanh hiện đại có hiệu quả cao. Kiện toàn bộ máy quản lý, tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ cho đội ngũ cán bộ quản lý, kỹ thuật để nâng cao hiệu quả quản lý, điều hành.

- Thực hiện khoán sản xuất và áp dụng các tiêu chí đánh giá hiệu quả làm việc mới.

- Xây dựng hệ thống các quy chế, quy định nội bộ nhằm đảm bảo công tác quản lý sản xuất kinh doanh của Công ty được tổ chức chặt chẽ, minh bạch, xác định rõ trách nhiệm của từng tổ chức, cá nhân trong các khâu của quá trình sản xuất kinh doanh nhằm tạo điều kiện phát huy hết tính tự chủ, sáng tạo, dám làm dám chịu của các nhân tố trong quá trình tổ chức hoạt động của đơn vị.

- Xây dựng và phát triển một nền văn hóa doanh nghiệp có hệ thống các giá trị cốt lõi tạo được động lực thúc đẩy mọi người làm việc, hạt nhân liên kết mọi người trong doanh nghiệp với nhau, liên kết doanh nghiệp với khách hàng, đối tác của doanh nghiệp, liên kết doanh nghiệp với xã hội, góp phần phát triển thương hiệu, làm nền tảng cho sự phát triển bền vững của Công ty.

1.4.5. Giải pháp về đầu tư phát triển sản xuất:

- Tăng cường đầu tư vào các lĩnh vực kinh doanh chủ chốt, hoạt động có hiệu quả, có tiềm năng và lợi thế lớn. Lập kế hoạch đầu tư cơ sở vật chất, máy móc thiết bị hướng tới mục tiêu nâng cao trình độ công nghệ, mở rộng sản xuất, mở rộng thị phần.

- Rà soát nguồn lực hiện có (thiết bị, công nghệ, đất đai,...), xây dựng phương án quản lý, sử dụng, khai thác hiệu quả, phát huy được tối đa tất cả các nguồn lực hiện có.

- Thường xuyên vệ sinh dây chuyền, máy móc sản xuất đảm bảo an toàn sản xuất theo các tiêu chuẩn cao nhất.

- Tìm kiếm các giải pháp về sản phẩm và thị trường trong lĩnh vực sản xuất, chế biến bột mì và các sản phẩm từ bột mì. Phân đầu xây dựng được dòng sản phẩm khẳng định vị thế của Công ty Bột mì Vinafood 1 trên thị trường.

1.4.6. Giải pháp về phát triển nguồn nhân lực:

- Nâng cao hiệu quả công tác quy hoạch cán bộ, công tác lập kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ để đáp ứng yêu cầu của chiến lược phát triển Công ty. Nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ đầu ngành, đảm bảo đủ nhân lực chất lượng cao có khả năng về chuyên môn và ngoại ngữ để có thể đáp ứng được yêu cầu trong lĩnh vực. Xây dựng và hoàn thiện hệ thống đánh giá nhân sự, thường xuyên tổ chức đánh giá lại đội ngũ cán bộ quản lý theo từng thời kỳ. Sau khi chính thức chuyển sang mô hình công ty cổ phần, Ban lãnh đạo Công ty sẽ thực hiện rà soát lại nguồn nhân lực hiện có, căn cứ kế hoạch sản xuất kinh doanh, lập kế hoạch chi tiết việc bố trí nhân sự đảm bảo tính kế thừa có bổ sung nhân tố mới nhằm khai thác có hiệu quả hơn nguồn nhân lực của đơn vị.

- Lập kế hoạch bố trí cán bộ tham dự các lớp học nâng cao trình độ chuyên môn, cử cán bộ kỹ thuật tham dự các khoá học chuyên sâu về chế biến bột mì... nhằm đáp ứng tốt hơn nữa yêu cầu ngày càng khắt khe của khách hàng; Xây dựng chính sách đãi ngộ hợp lý nhằm thu hút nhân lực có chuyên môn phù hợp để tăng cường công tác quản lý sản xuất của đơn vị;

- Hoàn thiện cơ chế chính sách động viên, khuyến khích có hiệu quả đối với người lao động; Xây dựng cơ chế đánh giá, bổ nhiệm, đãi ngộ khoa học, công khai, minh bạch tạo môi trường làm việc văn minh, thoải mái nhằm phát huy tối đa năng lực của từng cán bộ, nhân viên đồng thời duy trì phát triển được nguồn nhân lực hiện có và thu hút được nguồn nhân lực từ bên ngoài. Hàng năm, tiến hành bố trí, sắp xếp lao động một cách hợp lý theo đúng quy định và phù hợp với kế hoạch sản xuất kinh doanh. Trong đó, những lao động có tinh thần trách nhiệm cao, gắn bó với doanh nghiệp, lao động đã mua cổ phần tại Công ty đồng thời là cổ đông của Công ty sẽ được ưu tiên hơn khi Công ty thực hiện các chính sách lao động.

- Không ngừng nâng cao thu nhập đời sống vật chất, tinh thần cho người lao động: Đảm bảo có chính sách tiền lương phù hợp, đáp ứng được những nhu cầu chính đáng của người lao động để duy trì đội ngũ lao động có trình độ năng lực và tâm huyết; thực hiện việc phân phối tiền lương công bằng theo hiệu quả công việc, sự cống hiến của người lao động và phù hợp với điều kiện thị trường

II. Tình hình hoạt động trong năm

2.1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm 2022

- Tổng doanh thu : 839.062 triệu đồng, đạt 117% so với kế hoạch;
- Lợi nhuận sau thuế: 1.529 triệu đồng, đạt 42% so với kế hoạch;
- Nộp ngân sách : 43.542 triệu đồng đạt 102% so với kế hoạch, nộp đầy đủ và đúng hạn;

2.2. Tổ chức và nhân sự

- Danh sách Ban điều hành:

STT	Họ và tên	Chức danh
1.	Phùng Thanh Long	Giám đốc
2.	Lưu Anh Tuấn	Phó giám đốc
3.	Phạm Bình Nguyên	Phó giám đốc
4.	Nguyễn Đại Quyền	Phó giám đốc
5.	Lê Đình Hiệp	Kế toán trưởng

2.2.1. Giám Đốc kiêm Thành viên Hội đồng quản trị:

- Họ và tên: Phùng Thanh Long - Giới tính: Nam
- Ngày sinh:
- Nơi sinh: Phường Ngọc Hà, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội
- Quốc tịch: Việt Nam
- Địa chỉ thường trú:
- Số CMND: ; Ngày cấp: 05/02/2015; Nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý cư trú Bộ Công an
- SĐT liên lạc: (84 – 4) 6278 2448
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ.
- Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Giám đốc Công ty cổ phần Bột mỳ Vinafood 1
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong công ty:
- Sở hữu cá nhân: Không
- Sở hữu đại diện cho Tổng Công ty Lương thực Miền Bắc: 14.197.620 cổ phiếu, chiếm 58,67% vốn điều lệ
- Sở hữu của người có liên quan:

2.2.2. Phó giám đốc

- Họ và tên: **Lưu Anh Tuấn** - Giới tính: **Nam**
- Ngày sinh:
- Nơi sinh: Xã Lương Bằng, Huyện Kim Thi, Tỉnh Hưng Yên.
- Quốc tịch: **Việt Nam**
- Địa chỉ thường trú:
- CMTND: Ngày cấp: 02/4/2007 Nơi cấp: Công an Hải phòng
- SĐT liên lạc: (84 – 4) 6278 2448
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư.
- Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Phó Giám đốc Công ty Cổ phần Bột mỳ Vinafood 1
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong công ty:
- Sở hữu cá nhân: 3.200 cổ phiếu, chiếm 0,013% vốn điều lệ
- Sở hữu đại diện: Không
- Sở hữu của người có liên quan: Không
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không

2.2.3. Phó giám đốc

- Họ và tên: **Phạm Bình Nguyên** - Giới tính: **Nam**
- Ngày sinh:
- Nơi sinh: Xã Phú Lương, Huyện Lương Tài, Tỉnh Bắc Ninh
- Quốc tịch: **Việt Nam**
- Địa chỉ thường trú:
- CMTND: Ngày cấp: 12/02/2009 Nơi cấp: Công an Hà Nội
- SĐT liên lạc: (84 – 4) 6278 2448
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Quản lý kinh tế
- Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Phó Giám đốc, Chủ tịch Công đoàn Công ty Cổ phần Bột mỳ Vinafood 1
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong công ty:
- Sở hữu cá nhân: 6.300 cổ phiếu, chiếm 0,026% vốn điều lệ
- Sở hữu đại diện: Không
- Sở hữu của người có liên quan: Không
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không

2.2.4. Phó giám đốc

- Họ và tên: **Nguyễn Đại Quyền** - Giới tính: **Nam**
- Ngày sinh:
- Nơi sinh: Xã Bắc Thành, Huyện Yên Thành, Tỉnh Nghệ An

- Quốc tịch: Việt Nam
- Địa chỉ thường trú:
- CMTND Ngày cấp: 28/5/2010 Nơi cấp: Công an Nghệ An
- SĐT liên lạc: (84 – 4) 6278 2448
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế
- Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Phó Giám đốc Công ty Cổ phần Bột mỳ Vinafood 1
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong công ty:
- Sở hữu cá nhân: 0 cổ phiếu, chiếm 0,0% vốn điều lệ
- Sở hữu đại diện: Không
- Sở hữu của người có liên quan: Không
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không

2.2.5. Kế toán trưởng

- Họ và tên: Lê Đình Hiệp - Giới tính: Nam
- Ngày sinh:
- Nơi sinh: Nghệ An
- Quốc tịch: Việt Nam
- Địa chỉ thường trú:
- CCCD: Nơi cấp: Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội Ngày cấp: 24/7/2021
- SĐT liên lạc: (84 – 4) 6278 2448
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ kinh tế
- Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Kế toán trưởng
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong công ty:
- Sở hữu cá nhân: 2.800 cổ phiếu, chiếm 0,012% vốn điều lệ
- Sở hữu đại diện: Không
- Sở hữu của người có liên quan: Không
- Số lượng cán bộ, nhân viên. Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động.

2.3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

a) Các khoản đầu tư lớn: Nêu các khoản đầu tư lớn được thực hiện trong năm (bao gồm các khoản đầu tư tài chính và các khoản đầu tư dự án/), tình hình thực hiện các dự án lớn. Đối với trường hợp công ty đã chào bán chứng khoán để thực hiện các dự án, cần nêu rõ tiến độ thực hiện các dự án này và phân tích nguyên nhân dẫn đến việc đạt/không đạt tiến độ đã công bố và cam kết.

b) Các công ty con, công ty liên kết: (Tóm tắt về hoạt động và tình hình tài chính của các công ty con, công ty liên kết.

2.4. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài chính

Chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2021	% tăng giảm/ %
Tổng giá trị tài sản	431.547.160.305	332.868.558.441	130%
Doanh thu thuần	833.720.454.331	773.394.428.611	108%
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	2.168.297.508	4.908.318.567	44%
Lợi nhuận khác	823.173.376	483.003.137	170%
Lợi nhuận trước thuế	2.991.470.884	5.391.321.704	55%
Lợi nhuận sau thuế	1.529.013.334	4.198.564.541	36%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	50%	70%	

- Các chỉ tiêu khác: (tùy theo đặc điểm riêng của ngành, của công ty để làm rõ kết quả hoạt động kinh doanh trong hai năm gần nhất.

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2021	Ghi chú
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn:			
Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn	1,75	2,54	
+ Hệ số thanh toán nhanh:			
<u>Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho</u>	0,95	1,75	
Nợ ngắn hạn			
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
+ Hệ số: Nợ/Tổng tài sản	0,43	0,26	
+ Hệ số: Nợ/Vốn chủ sở hữu	0,76	0,35	
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
Vòng quay hàng tồn kho			
+ Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân	5,36	10,80	
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	1,93	2,32	
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
+ Hệ số: Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	0,0018	0,0054	
+ Hệ số: Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	0,0062	0,0170	
+ Hệ số: Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	0,0035	0,0126	
+ Hệ số: Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	0,0026	0,0063	

III. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu.

a) **Cổ phần:** Nêu tổng số cổ phần và loại cổ phần đang lưu hành, số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do và số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định pháp luật, Điều lệ công ty hay cam kết của người sở hữu. Trường hợp công ty có chứng khoán giao dịch tại nước ngoài hay

bảo trợ việc phát hành và niêm yết chứng khoán tại nước ngoài, cần nêu rõ thị trường giao dịch, số lượng chứng khoán được giao dịch hay được bảo trợ và các thông tin quan trọng liên quan đến quyền, nghĩa vụ của công ty liên quan đến chứng khoán giao dịch hoặc được bảo trợ tại nước ngoài.

b) **Cơ cấu cổ đông:** Nêu cơ cấu cổ đông phân theo các tiêu chí tỷ lệ sở hữu (cổ đông lớn, cổ đông nhỏ); cổ đông tổ chức và cổ đông cá nhân; cổ đông trong nước và cổ đông nước ngoài, cổ đông nhà nước và các cổ đông khác.

c) **Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:** Nêu các đợt tăng vốn cổ phần trong năm bao gồm các đợt chào bán ra công chúng, chào bán riêng lẻ, chuyển đổi trái phiếu, chuyển đổi chứng quyền, phát hành cổ phiếu thưởng, trả cổ tức bằng cổ phiếu v.v.

d) **Giao dịch cổ phiếu quỹ:** Nêu số lượng cổ phiếu quỹ hiện tại, liệt kê các giao dịch cổ phiếu quỹ đã thực hiện trong năm bao gồm thời điểm thực hiện giao dịch, giá giao dịch và đối tượng giao dịch

e) **Các chứng khoán khác:** nêu các đợt phát hành chứng khoán khác đã thực hiện trong năm. Nêu số lượng, đặc điểm các loại chứng khoán khác hiện đang lưu hành và các cam kết chưa thực hiện của công ty với cá nhân, tổ chức khác (bao gồm cán bộ công nhân viên, người quản lý của công ty) liên quan đến việc phát hành chứng khoán.

IV. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty.

4.1. Quản lý nguồn nguyên vật liệu:

a) Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm.

b) Báo cáo tỉ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức.

4.2. Tiêu thụ năng lượng:

a) Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp.

b) Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả.

c) Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng (cung cấp các sản phẩm và dịch vụ tiết kiệm năng lượng hoặc sử dụng năng lượng tái tạo); báo cáo kết quả của các sáng kiến này.

4.3. Tiêu thụ nước: mức tiêu thụ nước của các hoạt động kinh doanh trong năm

a) Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng.

b) Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng.

4.4. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:

a) Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường.

b) Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường.

4.5. Chính sách liên quan đến người lao động

a) Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động.

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động.

c) Hoạt động đào tạo người lao động

- Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm, theo nhân viên và theo phân loại nhân viên.

- Các chương trình phát triển kỹ năng và học tập liên tục để hỗ trợ người lao động đảm bảo có việc làm và phát triển sự nghiệp.

4.6. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương.

Các hoạt động đầu tư cộng đồng và hoạt động phát triển cộng đồng khác, bao gồm hỗ trợ tài chính nhằm phục vụ cộng đồng

4.7. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN.

V. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc (Ban Giám đốc báo cáo và đánh giá về tình hình mọi mặt của công ty)

Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc tối thiểu phải bao gồm các nội dung sau:

5.1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

- Phân tích tổng quan về hoạt động của công ty so với kế hoạch/dự tính và các kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trước đây. Trường hợp kết quả sản xuất kinh doanh không đạt kế hoạch thì nêu rõ nguyên nhân và trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với việc không hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh (nếu có).

- Những tiến bộ công ty đã đạt được.

5.2. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài sản

Phân tích tình hình tài sản, biến động tình hình tài sản (phân tích, đánh giá hiệu quả sử dụng tài sản, nợ phải thu xấu, tài sản xấu ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh).

b) Tình hình nợ phải trả

- Tình hình nợ hiện tại, biến động lớn về các khoản nợ.

- Phân tích nợ phải trả xấu, ảnh hưởng chênh lệch của tỉ lệ giá hồi đoái đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, ảnh hưởng chênh lệch lãi vay.

5.3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý.

5.4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

5.5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán (nếu có) - (Trường hợp ý kiến kiểm toán không phải là ý kiến chấp thuận toàn phần).

5.6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty

a. Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường (tiêu thụ nước, năng lượng, phát thải...).

b. Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động

c. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương

VI. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty (đối với công ty cổ phần)

6.1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội.

6.2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty

6.3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

VII. Quản trị công ty (Tổ chức không phải là tổ chức niêm yết không bắt buộc phải công bố các thông tin tại Mục này.

7.1. Hội đồng quản trị

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị: (danh sách thành viên Hội đồng quản trị, tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành, nêu rõ thành viên độc lập và các thành viên khác; số lượng chức danh thành viên hội đồng quản trị do từng thành viên Hội đồng quản trị của công ty nắm giữ tại các công ty khác.

b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: (Liệt kê các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị và thành viên trong từng tiểu ban).

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị: đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp Hội đồng quản trị, nội dung và kết quả của các cuộc họp.

d) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập. Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị: (đánh giá hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp của từng tiểu ban, nội dung và kết quả của các cuộc họp).

e) Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm.

7.2. Ban Kiểm soát

a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát: (danh sách thành viên Ban kiểm soát, tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành).

b) Hoạt động của Ban kiểm soát: (đánh giá hoạt động của Ban kiểm soát, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp của Ban kiểm soát, nội dung và kết quả của các cuộc họp).

7.3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát

a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích: (Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích khác và chi phí cho từng thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý. Giá trị các khoản thù lao, lợi ích và chi phí này phải được công bố chi tiết cho từng người, ghi rõ số tiền cụ thể. Các khoản lợi ích phi vật chất hoặc các khoản lợi ích chưa thể/không thể lượng hóa bằng tiền cần được liệt kê và giải trình đầy đủ).

b) Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: (Thông tin về các giao dịch cổ phiếu của các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc, Kế toán trưởng, các cán bộ quản lý, Thư ký công ty, cổ đông lớn và những người liên quan tới các đối tượng nói trên).

c) Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: (Thông tin về hợp đồng, hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đã được thực hiện trong năm với công ty, các công ty con, các công ty mà công ty nắm quyền kiểm soát của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc), các cán bộ quản lý và những người liên quan tới các đối tượng nói trên).

d) Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty: (Nêu rõ những nội dung chưa thực hiện được theo quy định pháp luật về quản trị công ty. Nguyên nhân, giải pháp và kế hoạch khắc phục/kế hoạch tăng cường hiệu quả trong hoạt động quản trị công ty).

VIII. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

8.1. BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty tại đường dẫn <http://vnf1flour.com.vn/cong-bo-thong-tin>

XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY *STG*



Giám đốc

Phùng Thanh Long